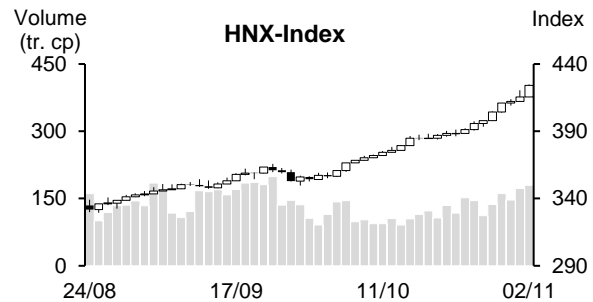
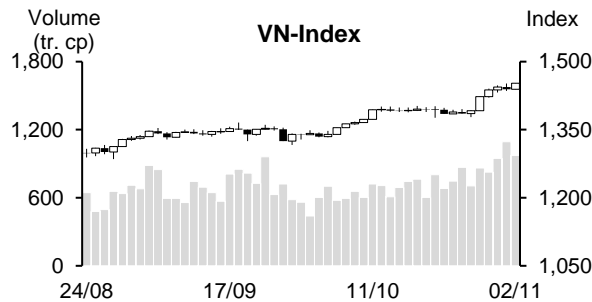


| 02/11/2021                     | HOSE             |                | VN30            |                | HNX             |              |
|--------------------------------|------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|--------------|
|                                | Giá trị          | Thay đổi %     | Giá trị         | Thay đổi %     | Giá trị         | Thay đổi %   |
| Giá đóng cửa                   | 1,452.46         | 0.94%          | 1,521.35        | 0.30%          | 424.11          | 2.06%        |
| <b>Tổng KLGD (tr. cp)</b>      | <b>1,007.84</b>  | <b>-10.61%</b> | <b>200.42</b>   | <b>-22.31%</b> | <b>189.43</b>   | <b>7.46%</b> |
| <b>KLGD khớp lệnh (tr. cp)</b> | <b>972.16</b>    | <b>-11.05%</b> | <b>186.41</b>   | <b>-26.15%</b> | <b>179.25</b>   | <b>3.96%</b> |
| TB 20 phiên (tr. cp)           | 759.89           | 27.93%         | 171.08          | 8.96%          | 124.54          | 43.93%       |
| <b>Tổng GTGD (tỷ VND)</b>      | <b>28,685.73</b> | <b>-13.57%</b> | <b>9,779.60</b> | <b>-20.32%</b> | <b>4,556.16</b> | <b>3.06%</b> |
| <b>GTGD khớp lệnh (tỷ VND)</b> | <b>26,998.21</b> | <b>-15.22%</b> | <b>8,816.40</b> | <b>-25.76%</b> | <b>4,314.52</b> | <b>1.15%</b> |
| TB 20 phiên (tỷ VND)           | 21,854.24        | 23.54%         | 8,286.81        | 6.39%          | 2,709.76        | 59.22%       |
|                                | Tỷ trọng %       |                | Tỷ trọng %      |                | Tỷ trọng %      |              |
| <b>Số mã tăng</b>              | 302              | 60%            | 19              | 63%            | 184             | 52%          |
| <b>Số mã giảm</b>              | 151              | 30%            | 6               | 20%            | 65              | 18%          |
| <b>Số mã đứng giá</b>          | 48               | 10%            | 5               | 17%            | 103             | 29%          |



### ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Sau nhịp điều chỉnh không quá tiêu cực hôm qua, thị trường nhanh chóng lấy lại sắc xanh nhờ dòng tiền mạnh tiếp tục đổ vào. Mặc dù các cổ phiếu trụ đã phần chót phiên trên ngưỡng tham chiếu, nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ lại là tâm điểm với khá nhiều cổ phiếu tăng tốt, thậm chí tăng hết biên độ cùng với khối lượng được đẩy lên mức cao. Điều này dẫn đến độ rộng thị trường ghi nhận sự áp đảo hoàn toàn của số mã tăng điểm. Và lại một lần nữa, các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ thuộc nhóm bất động sản, bất động sản khu công nghiệp và xây dựng được gọi tên. Theo đó, VN-Index không những lấy lại điểm số đã mất từ phiên hôm qua mà còn nói rộng đà tăng để cùng HNX-Index thiết lập đỉnh lịch sử mới. Tuy nhiên, giao dịch khối ngoại lại là điểm trừ khi khối này có phiên bán ròng mạnh thứ 2 liên tiếp.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền đang tham gia thị trường mạnh mẽ. Không những vậy, chỉ số duy trì đóng cửa trên hầu hết các đường MA quan trọng từ MA5 tới MA200, cùng với chòm MA 5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng tăng đang khá mạnh. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật khác đang củng cố cho đà tăng hiện tại, như MACD nằm trên Signal duy trì tín hiệu mua và đường RSI hướng lên tích cực cho thấy chỉ số có cơ hội tiếp tục tăng điểm, với kháng cự mục tiêu quanh vùng tâm lý 1,500 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số tiếp tục đi lên và đóng cửa trên MA5 cùng với chòm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương, cho thấy xu hướng tăng đang tiếp diễn, chỉ số có thể tiến lên thử thách vùng kháng cự tâm lý 450 điểm. Nhìn chung, thị trường đang trong xu hướng tăng. Do đó, nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, và cân nhắc tận dụng các nhịp rung lắc kỹ thuật để điều chỉnh danh mục hướng tới các cổ phiếu có cơ bản tốt và đang thu hút được dòng tiền mạnh.

Cổ phiếu khuyến nghị: PVS (Mua)

Cổ phiếu quan sát: DXS, HDB, FMC, GIL

(Xem chi tiết ở trang 2)

**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT****Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày**

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú                                   |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---|
| 1   | PVS   | Mua         | 03/11/21         | 30.3         | 30.3          | 0.0%           | 33.3         | 9.9%       | 29         | -4.3%      | Cổ phiếu có cơ hội tiếp tục xu hướng tăng |

| STT | Mã CK | Khuyến nghị  | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Kháng cự | Tín hiệu kỹ thuật   |
|-----|-------|--------------|------------------|--------------|----------|---|
| 1   | DXS   | Quan sát mua | 03/11/21         | 31.4         | 36       | Nền tăng tốt thoát nền tích lũy vài phiên kèm vol tăng tốt dần -> khả năng mở nhịp tăng mới   |
| 2   | HDB   | Quan sát mua | 03/11/21         | 25.6         | 28.5-29  | Tín hiệu tích lũy tích cực bên dưới đường MA50 + vol tăng dần khá tốt -> khả năng sớm có phiên break  |
| 3   | FMC   | Quan sát mua | 03/11/21         | 49.8         | 55-56    | Tín hiệu sideways trong mẫu hình Tam giác với vol giảm thấp dần + có nền rút chân dài cho tín hiệu retest hỗ trợ tốt -> khả năng sớm có phiên break |
| 4   | GIL   | Quan sát mua | 03/11/21         | 69.5         | 80       | Tín hiệu retest hỗ trợ thành công với nền bật tăng tốt, phù nhận hoàn toàn nền giảm vol cao trước đó -> khả năng sớm tăng trở lại và vượt đỉnh      |

**Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị**

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------|
| 1   | ILB   | Mua         | 08/10/21         | 35.6         | 34.2          | 4.1%           | 41.5         | 21.3%      | 32.5       | -5%        |         |
| 2   | VHM   | Mua         | 11/10/21         | 85.0         | 79.9          | 6.4%           | 92           | 15.1%      | 77         | -4%        |         |
| 3   | QTP   | Mua         | 14/10/21         | 16.66        | 15.85         | 5.1%           | 17.2         | 9%         | 15.5       | -2%        |         |
| 4   | VNM   | Mua         | 25/10/21         | 89.20        | 90.5          | -1.4%          | 100          | 10%        | 88         | -3%        |         |
| 5   | DXG   | Mua         | 27/10/21         | 24.95        | 22.3          | 11.9%          | 25.3         | 13%        | 20.8       | -7%        |         |
| 6   | POW   | Mua         | 28/10/21         | 12.85        | 12.4          | 3.6%           | 14           | 13%        | 12         | -3%        |         |
| 7   | STB   | Mua         | 28/10/21         | 26.65        | 26.7          | -0.2%          | 31.3         | 17%        | 25.1       | -6%        |         |
| 8   | VRE   | Mua         | 01/11/21         | 30.85        | 31.2          | -1.1%          | 36           | 15%        | 30.2       | -3%        |         |
| 9   | SSI   | Mua         | 02/11/21         | 42.35        | 41.4          | 2.3%           | 50           | 21%        | 40         | -3%        |         |

## TIN TỨC TRONG NGÀY

### Tin trong nước

#### Thu hút FDI 10 tháng đầu năm tăng

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 10 tháng đầu năm, đã có hơn 23,7 tỷ USD từ nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó, nhiều dự án có quy mô đầu tư lớn đã nhanh chóng được giải ngân. Nhiều nhất là các nhà đầu tư đến từ Singapore, Hàn Quốc và Nhật Bản.

Tại Quảng Ninh, 10 tháng đầu năm nguồn vốn đầu tư nước ngoài đạt gần 1 tỷ USD, cao gấp ba lần so với cùng kỳ năm trước, Tuy số dự án được cấp mới ít hơn, nhưng quy mô các dự án lại lớn hơn.

Tương tự hai tỉnh thành là Hải Phòng và Vĩnh Phúc là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài, 10 tháng đầu năm nay, tỉnh Vĩnh Phúc thu hút gần 1 tỷ USD tăng gần 300% so với cùng kỳ. Còn thành phố Hải Phòng thu hút gần 3 tỷ USD xếp thứ 3 cả nước sau thành phố Hồ Chí Minh và Long An.

#### Kiến nghị nâng 'room' ngoại tại ngân hàng

Theo thông tin từ Hiệp hội Ngân hàng, các chuyên gia Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương đang dự thảo báo cáo “Nghiên cứu tính cần thiết của việc điều chỉnh tăng giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng”.

Các chuyên gia đề xuất cơ quan quản lý Nhà nước tăng giới hạn sở hữu của nhà đầu tư ngoại tại ngân hàng.

Theo ông Nguyễn Quốc Hùng, Tổng Thư ký Hiệp hội Ngân hàng, việc quy định tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông nước ngoài cần được phân loại theo nhóm, đối với nhóm các ngân hàng thương mại có thể nới room tùy theo đánh giá xếp loại của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Ngân hàng thương mại đã hoàn thành Basel II, đang tiếp tục nâng cao Basel III có thể nâng tỷ lệ góp vốn cổ đông nước ngoài lên cao hơn tỷ lệ 30% như đã quy định.

#### Tỷ lệ nợ xấu đã lên 9-10%, công ty tài chính đề xuất không áp trần tăng trưởng tín dụng

Thông tin tại Hội nghị sơ kết hoạt động 9 tháng đầu năm của nhóm các công ty tài chính hội viên tổ chức mới đây, Cơ quan Thường trực Hiệp hội Ngân hàng cho biết, tính đến thời điểm hiện tại, tổng vốn điều lệ của các công ty tài chính hội viên đạt 22.195 tỷ, tăng trên 21% so với cuối năm 2020 và chiếm khoảng gần 80% tổng vốn điều lệ của toàn khối các công ty tài chính, trong đó công ty đứng đầu về vốn điều lệ là FE Credit (10,928 tỷ).

Tổng tài sản các công ty tài chính hội viên tính đến cuối tháng 9/2021 đạt khoảng 151.000 tỷ đồng, tăng nhẹ khoảng 2% so với cuối năm 2020; Tổng dư nợ tín dụng đạt khoảng 150.000 tỷ đồng, gần như không tăng trưởng so với cuối năm 2020.

Đặc biệt, cơ quan này cho biết, tỷ lệ nợ xấu bình quân đã lên tới 9-10% trong khi tỷ lệ này vào thời điểm cuối năm 2020 đạt khoảng 6% và dự kiến đến cuối năm 2021 sẽ tiếp tục tăng.

Nguồn: NDH

**Tin doanh nghiệp niêm yết****BIDV báo lãi quý III và nợ xấu đi ngang**

Theo BCTC hợp nhất quý III, BIDV (HoSE: BID) ghi nhận thu nhập lãi thuần đạt 12.204 tỷ đồng, tăng 33,5%, chủ yếu do ngân hàng giảm 11,5% chi phí lãi.

Chi phí hoạt động tăng 29% lên hơn 5.000 tỷ đồng. Ngân hàng lãi trước trích lập 10.175 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, dự phòng rủi ro hơn 7.502 tỷ đồng, tăng 30%, khiến lợi nhuận trước thuế giảm 1% còn 2.673 tỷ đồng.

Lũy kế 9 tháng, ngân hàng lãi trước thuế 10.733 tỷ đồng, tăng 53% so với cùng kỳ, tương đương 83% kế hoạch năm.

**Lợi nhuận Hòa Phát quý III: Thép và BĐS gấp nhiều lần cùng kỳ, nông nghiệp giảm 84%**

Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG) công bố BCTC hợp nhất quý III với doanh thu 38.674 tỷ đồng, tăng 56,7%. Giá vốn tăng thấp hơn nên lợi nhuận gộp đạt 11.861 tỷ đồng, tăng 129%. Biên lợi nhuận tăng mạnh từ 20,9% lên 30,7%.

Trong cơ cấu doanh thu, mảng thép đóng góp 36.497 tỷ đồng doanh thu, tăng 74%; nông nghiệp 1.568 tỷ đồng, giảm 43%; bất động sản 609 tỷ đồng, gấp 3 lần.

Doanh thu tài chính cũng tăng mạnh từ 248 tỷ đồng lên 879 tỷ đồng, gấp 3,6 lần nhờ tăng lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá. Chi phí tài chính tăng 37% lên 968 tỷ đồng, chi phí bán hàng gấp đôi lên 583 tỷ, chi phí quản lý tăng 41% lên 236 tỷ đồng.

Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh đạt 10.961 tỷ đồng, tăng 159%. Riêng mảng thép là 11.179 tỷ, gấp đôi; mảng nông nghiệp 78,6 tỷ, giảm 84% và bất động sản 243,6 tỷ đồng, gấp 3,1 lần.

Do vậy, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 10.352 tỷ đồng, gấp 2,7 lần. Doanh nghiệp lý giải sản lượng thép thô tiêu thụ tăng mạnh, giá vốn và giá bán tốt thúc đẩy lợi nhuận.

Lũy kế 9 tháng, tập đoàn thép ghi nhận doanh thu 104.969 tỷ đồng, tăng 63%; lãi ròng 27.051 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ năm trước. Tập đoàn vượt 50% kế hoạch lợi nhuận sau thuế cả năm.

**FPT Retail lãi ròng 9 tháng hơn 108 tỷ đồng, gấp gần 6 lần cùng kỳ**

FPT Retail (HoSE: FRT) công bố quý III, doanh thu thuần tăng 45%, đạt hơn 4.993 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 47,4 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm trước lỗ hơn 235 triệu đồng.

Lũy kế 9 tháng, doanh thu đạt 14.017 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ hơn 108,5 tỷ đồng. Trong khi doanh thu tăng 31% cùng kỳ thì lợi nhuận gấp 5,7 lần. EPS tương ứng 1.373 đồng.

FPT Retail cho biết mảng online thu về 3.610 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ, chiếm 33% tổng doanh thu. FPT Shop có doanh thu laptop 9 tháng hơn 3.350 tỷ đồng, tăng 80% cùng kỳ và giữ vị thế nhà bán lẻ laptop số 1 thị trường.

Sau 9 tháng, công ty đã hoàn thành 85% kế hoạch doanh thu và 114% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Nguồn: NDH



**THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG****Thống kê giao dịch khớp lệnh****TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX**

| HOSE  |                   |               |               |
|-------|-------------------|---------------|---------------|
| Mã CK | Đóng cửa<br>(VND) | Thay đổi<br>% | Tác động<br>% |
| GVR   | 42,100            | 6.99%         | 0.20%         |
| VCB   | 97,900            | 0.93%         | 0.06%         |
| VHM   | 85,000            | 0.83%         | 0.05%         |
| SAB   | 165,200           | 1.98%         | 0.04%         |
| EIB   | 24,900            | 6.87%         | 0.04%         |

| HNX   |                   |               |               |
|-------|-------------------|---------------|---------------|
| Mã CK | Đóng cửa<br>(VND) | Thay đổi<br>% | Tác động<br>% |
| IDC   | 78,500            | 6.22%         | 0.31%         |
| L14   | 240,700           | 9.96%         | 0.13%         |
| IDJ   | 67,800            | 9.89%         | 0.10%         |
| PVS   | 30,300            | 3.06%         | 0.10%         |
| MBS   | 38,200            | 4.37%         | 0.09%         |

**TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX**

| HOSE  |                   |               |               |
|-------|-------------------|---------------|---------------|
| Mã CK | Đóng cửa<br>(VND) | Thay đổi<br>% | Tác động<br>% |
| NVL   | 108,100           | -1.37%        | -0.04%        |
| VNM   | 89,200            | -0.89%        | -0.03%        |
| HPG   | 55,500            | -0.36%        | -0.02%        |
| MWG   | 128,900           | -0.85%        | -0.01%        |
| VRE   | 30,850            | -0.96%        | -0.01%        |

| HNX   |                   |               |               |
|-------|-------------------|---------------|---------------|
| Mã CK | Đóng cửa<br>(VND) | Thay đổi<br>% | Tác động<br>% |
| NTP   | 57,100            | -2.39%        | -0.04%        |
| VCS   | 124,000           | -0.80%        | -0.04%        |
| PHP   | 30,800            | -1.28%        | -0.03%        |
| HHC   | 75,500            | -7.25%        | -0.02%        |
| VNR   | 38,300            | -1.29%        | -0.02%        |

**TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH**

| HOSE  |                   |               |               |
|-------|-------------------|---------------|---------------|
| Mã CK | Đóng cửa<br>(VND) | Thay đổi<br>% | KL KL<br>(cp) |
| LDG   | 11,150            | 6.70%         | 29,124,900    |
| FLC   | 12,700            | 2.01%         | 27,954,000    |
| HQC   | 5,800             | 1.93%         | 26,663,600    |
| HAG   | 5,560             | 0.91%         | 25,670,600    |
| HPG   | 55,500            | -0.36%        | 25,669,500    |

| HNX   |                   |               |               |
|-------|-------------------|---------------|---------------|
| Mã CK | Đóng cửa<br>(VND) | Thay đổi<br>% | KL KL<br>(cp) |
| PVS   | 30,300            | 3.06%         | 12,702,090    |
| CEO   | 13,000            | 7.44%         | 10,684,861    |
| KLF   | 5,200             | 1.96%         | 10,418,186    |
| SHS   | 41,500            | 2.72%         | 9,968,470     |
| ART   | 10,400            | 4.00%         | 8,011,740     |

**TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH**

| HOSE  |                   |               |                   |
|-------|-------------------|---------------|-------------------|
| Mã CK | Đóng cửa<br>(VND) | Thay đổi<br>% | GT KL<br>(tỷ VND) |
| HPG   | 55,500            | -0.36%        | 1,430.2           |
| TCB   | 51,600            | 0.00%         | 798.6             |
| SSI   | 42,350            | 2.29%         | 782.5             |
| NKG   | 53,000            | -0.56%        | 581.2             |
| KBC   | 51,600            | 5.31%         | 571.7             |

| HNX   |                   |               |                   |
|-------|-------------------|---------------|-------------------|
| Mã CK | Đóng cửa<br>(VND) | Thay đổi<br>% | GT KL<br>(tỷ VND) |
| IDC   | 78,500            | 6.22%         | 472.7             |
| SHS   | 41,500            | 2.72%         | 408.4             |
| PVS   | 30,300            | 3.06%         | 376.4             |
| TNG   | 33,400            | 2.77%         | 167.6             |
| APS   | 42,000            | 9.95%         | 152.6             |

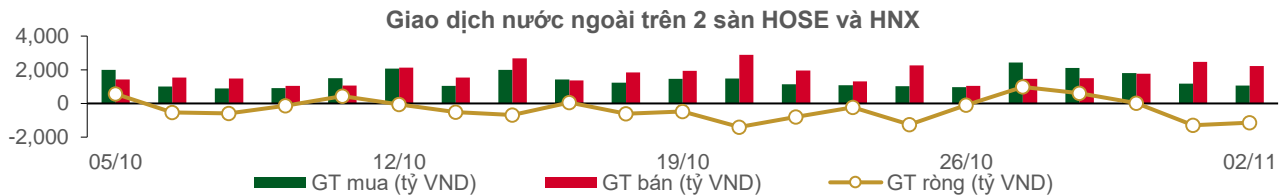
**Thống kê giao dịch thỏa thuận****TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN**

| HOSE  |                       |                           |
|-------|-----------------------|---------------------------|
| Mã CK | KL thỏa thuận<br>(cp) | GT thỏa thuận<br>(tỷ VND) |
| NVL   | 5,209,700             | 610.58                    |
| GAB   | 611,600               | 118.72                    |
| TPB   | 2,253,400             | 95.07                     |
| VIB   | 2,510,000             | 90.36                     |
| SJS   | 1,260,000             | 80.34                     |

| HNX   |                       |                           |
|-------|-----------------------|---------------------------|
| Mã CK | KL thỏa thuận<br>(cp) | GT thỏa thuận<br>(tỷ VND) |
| BII   | 6,714,900             | 115.21                    |
| IDC   | 875,000               | 68.25                     |
| NTH   | 800,000               | 26.64                     |
| NDN   | 420,120               | 9.96                      |
| HUT   | 615,000               | 7.51                      |

**Thống kê giao dịch khối ngoại**

| Sàn GD            | KL nước ngoài mua (tr. cp) | GT nước ngoài mua (tỷ VND) | KL nước ngoài bán (tr. cp) | GT nước ngoài bán (tỷ VND) | KL mua/bán ròng (tr. cp) | GT mua/bán ròng (tỷ VND) |
|-------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| HOSE              | 28.22                      | 1,049.93                   | 45.19                      | 2,172.87                   | (16.97)                  | (1,122.94)               |
| HNX               | 0.70                       | 16.28                      | 1.30                       | 40.22                      | (0.59)                   | (23.94)                  |
| <b>Tổng 2 sàn</b> | <b>28.93</b>               | <b>1,066.21</b>            | <b>46.49</b>               | <b>2,213.09</b>            | <b>(17.56)</b>           | <b>(1,146.88)</b>        |

**TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI**

| HOSE  |                |             |                 |
|-------|----------------|-------------|-----------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | KL mua (cp) | GT mua (tỷ VND) |
| KBC   | 51,600         | 966,800     | 49.58           |
| HPG   | 55,500         | 790,400     | 44.09           |
| MBB   | 28,400         | 1,385,600   | 39.28           |
| KDC   | 59,700         | 625,200     | 36.79           |
| VCB   | 97,900         | 371,300     | 36.32           |

| HNX   |                |             |                 |
|-------|----------------|-------------|-----------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | KL mua (cp) | GT mua (tỷ VND) |
| TDN   | 16,800         | 190,700     | 3.14            |
| VCS   | 124,000        | 21,900      | 2.74            |
| IDJ   | 67,800         | 25,600      | 1.64            |
| PVS   | 30,300         | 51,500      | 1.51            |
| SCI   | 49,800         | 20,627      | 0.99            |

**TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI**

| HOSE  |                |             |                 |
|-------|----------------|-------------|-----------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | KL bán (cp) | GT bán (tỷ VND) |
| NVL   | 108,100        | 5,296,300   | 573.59          |
| NLG   | 62,200         | 2,673,100   | 164.74          |
| SSI   | 42,350         | 2,744,900   | 115.60          |
| HPG   | 55,500         | 2,020,900   | 112.63          |
| VNM   | 89,200         | 958,200     | 85.05           |

| HNX   |                |             |                 |
|-------|----------------|-------------|-----------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | KL bán (cp) | GT bán (tỷ VND) |
| TNG   | 33,400         | 220,000     | 7.26            |
| NTP   | 57,100         | 121,300     | 6.91            |
| VCS   | 124,000        | 51,000      | 6.36            |
| IVS   | 14,800         | 319,500     | 4.68            |
| HLD   | 54,000         | 54,500      | 3.03            |

**TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI**

| HOSE  |                |              |                  |
|-------|----------------|--------------|------------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | KL ròng (cp) | GT ròng (tỷ VND) |
| VHC   | 65,300         | 375,500      | 24.47            |
| GMD   | 52,000         | 446,400      | 23.14            |
| KBC   | 51,600         | 440,900      | 22.57            |
| DGC   | 155,800        | 141,700      | 22.07            |
| VCB   | 97,900         | 207,600      | 20.31            |

| HNX   |                |              |                  |
|-------|----------------|--------------|------------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | KL ròng (cp) | GT ròng (tỷ VND) |
| TDN   | 16,800         | 160,300      | 2.66             |
| IDJ   | 67,800         | 25,600       | 1.64             |
| HUT   | 13,300         | 64,900       | 0.91             |
| SHS   | 41,500         | 14,200       | 0.58             |
| SCI   | 49,800         | 11,427       | 0.55             |

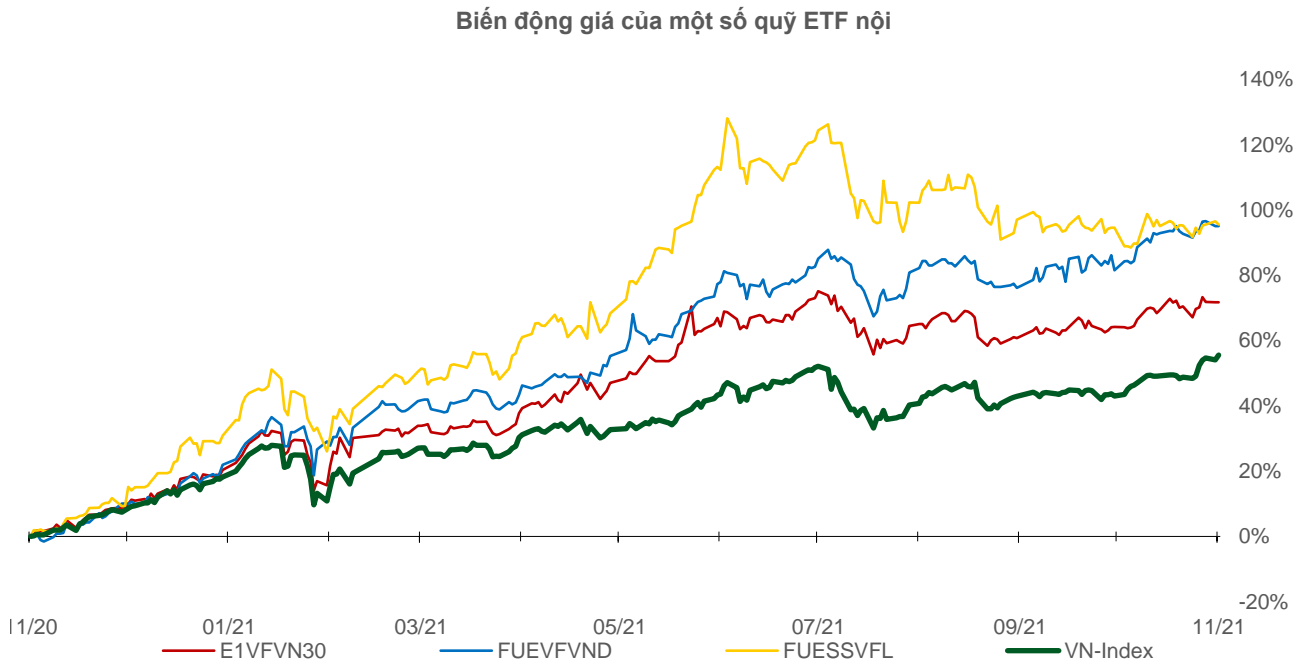
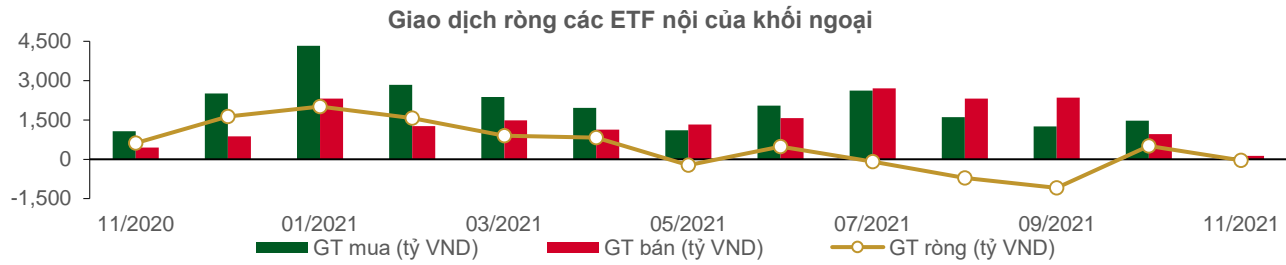
**TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI**

| HOSE  |                |              |                  |
|-------|----------------|--------------|------------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | KL ròng (cp) | GT ròng (tỷ VND) |
| NVL   | 108,100        | (5,242,900)  | (567.81)         |
| NLG   | 62,200         | (2,311,400)  | (142.60)         |
| SSI   | 42,350         | (2,169,800)  | (91.37)          |
| VNM   | 89,200         | (878,900)    | (77.96)          |
| HPG   | 55,500         | (1,230,500)  | (68.54)          |

| HNX   |                |              |                  |
|-------|----------------|--------------|------------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | KL ròng (cp) | GT ròng (tỷ VND) |
| TNG   | 33,400         | (217,900)    | (7.19)           |
| NTP   | 57,100         | (116,100)    | (6.61)           |
| IVS   | 14,800         | (319,500)    | (4.68)           |
| VCS   | 124,000        | (29,100)     | (3.62)           |
| HLD   | 54,000         | (54,500)     | (3.03)           |

**Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội**

| THỐNG KÊ GIÁ     |          |          |                  |              | MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI |              |              |             |
|------------------|----------|----------|------------------|--------------|------------------------|--------------|--------------|-------------|
| Mã CK            | Đóng cửa | Thay đổi | KLGD             | GTGD         | Mã CK                  | GT mua       | GT bán       | GT ròng     |
|                  | VND      | (%)      | (cp)             | (tỷ VND)     |                        | (tỷ VND)     | (tỷ VND)     | (tỷ VND)    |
| E1VFN30          | 25,690   | 0.0%     | 765,500          | 19.56        | E1VFN30                | 11.42        | 9.86         | 1.55        |
| FUEMAV30         | 17,920   | 0.1%     | 123,100          | 2.32         | FUEMAV30               | 0.00         | 0.37         | (0.37)      |
| FUESSV30         | 18,840   | 0.2%     | 198,800          | 3.74         | FUESSV30               | 3.48         | 0.02         | 3.46        |
| FUESSV50         | 22,600   | 0.4%     | 82,100           | 1.80         | FUESSV50               | 0.02         | 0.00         | 0.02        |
| FUESSVFL         | 20,400   | -0.5%    | 18,100           | 0.37         | FUESSVFL               | 0.26         | 0.01         | 0.25        |
| FUEVFN30         | 27,500   | 0.0%     | 1,247,200        | 34.24        | FUEVFN30               | 25.56        | 25.49        | 0.08        |
| FUEVN100         | 19,300   | 0.5%     | 35,100           | 0.68         | FUEVN100               | 0.64         | 0.58         | 0.06        |
| FUEIP100         | 10,980   | 0.7%     | 3,000            | 0.03         | FUEIP100               | 0.00         | 0.00         | 0.00        |
| <b>Tổng cộng</b> |          |          | <b>2,472,900</b> | <b>62.74</b> | <b>Tổng cộng</b>       | <b>41.37</b> | <b>36.33</b> | <b>5.04</b> |





## Thông kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

| Mã chứng quyền (*) | Giá đóng cửa (VND) | Thay đổi (%) | KL chứng quyền khớp lệnh | Số ngày tới hạn | Giá CKCS (VND) | Giá chứng quyền mua lý thuyết (**) | Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND) | Giá thực hiện quyền (VND) | Tỷ lệ chuyển đổi n:1 | Ngày đáo hạn |
|--------------------|--------------------|--------------|--------------------------|-----------------|----------------|------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------|----------------------|--------------|
| CACB2101           | 1,600              | 3.9%         | 13,420                   | 80              | 33,150         | 547                                | (1,053)                              | 31,400                    | 4.0                  | 21/01/2022   |
| CFPT2102           | 2,840              | -5.3%        | 5,200                    | 69              | 96,100         | 1,548                              | (1,292)                              | 89,050                    | 4.9                  | 10/01/2022   |
| CFPT2103           | 2,240              | 0.5%         | 1,620                    | 66              | 96,100         | 215                                | (2,025)                              | 98,950                    | 4.9                  | 07/01/2022   |
| CFPT2104           | 2,020              | -4.3%        | 27,170                   | 34              | 96,100         | 1,727                              | (293)                                | 79,160                    | 9.9                  | 06/12/2021   |
| CFPT2105           | 3,170              | -0.9%        | 117,410                  | 65              | 96,100         | 2,315                              | (855)                                | 85,100                    | 4.9                  | 06/01/2022   |
| CFPT2106           | 1,690              | -7.7%        | 22,010                   | 69              | 96,100         | 920                                | (770)                                | 89,300                    | 8.0                  | 10/01/2022   |
| CFPT2107           | 1,100              | 0.0%         | 104,510                  | 85              | 96,100         | 166                                | (934)                                | 98,000                    | 12.0                 | 26/01/2022   |
| CFPT2108           | 3,340              | 0.0%         | 1,790                    | 246             | 96,100         | 700                                | (2,640)                              | 106,830                   | 6.0                  | 06/07/2022   |
| CFPT2109           | 1,720              | 0.0%         | 16,630                   | 157             | 96,100         | 667                                | (1,053)                              | 96,000                    | 8.0                  | 08/04/2022   |
| CHDB2102           | 220                | 4.8%         | 19,740                   | 30              | 25,600         | (0)                                | (220)                                | 32,280                    | 8.0                  | 02/12/2021   |
| CHDB2103           | 570                | 1.8%         | 68,370                   | 176             | 25,600         | 93                                 | (477)                                | 28,890                    | 8.0                  | 27/04/2022   |
| CHPG2109           | 7,090              | -0.1%        | 4,980                    | 69              | 55,500         | 1,877                              | (5,213)                              | 55,000                    | 1.0                  | 10/01/2022   |
| CHPG2110           | 2,950              | 2.8%         | 83,120                   | 34              | 55,500         | 2,318                              | (632)                                | 44,000                    | 5.0                  | 06/12/2021   |
| CHPG2111           | 2,280              | -0.9%        | 184,500                  | 65              | 55,500         | 1,540                              | (740)                                | 48,000                    | 5.0                  | 06/01/2022   |
| CHPG2112           | 1,760              | -1.7%        | 20,750                   | 55              | 55,500         | 1,128                              | (632)                                | 48,900                    | 6.0                  | 27/12/2021   |
| CHPG2113           | 3,150              | -2.2%        | 24,230                   | 125             | 55,500         | 1,342                              | (1,808)                              | 51,500                    | 4.0                  | 07/03/2022   |
| CHPG2114           | 1,110              | -1.8%        | 55,380                   | 176             | 55,500         | 352                                | (758)                                | 56,790                    | 10.0                 | 27/04/2022   |
| CHPG2115           | 1,710              | -13.6%       | 115,890                  | 85              | 55,500         | 348                                | (1,362)                              | 56,000                    | 5.0                  | 26/01/2022   |
| CHPG2116           | 2,970              | -2.3%        | 1,770                    | 246             | 55,500         | 863                                | (2,107)                              | 61,410                    | 4.0                  | 06/07/2022   |
| CKDH2103           | 550                | 10.0%        | 39,030                   | 30              | 50,400         | 176                                | (374)                                | 48,780                    | 10.0                 | 02/12/2021   |
| CKDH2104           | 4,150              | 12.8%        | 38,400                   | 78              | 50,400         | 3,314                              | (836)                                | 44,000                    | 2.0                  | 19/01/2022   |
| CKDH2105           | 3,340              | 12.5%        | 7,990                    | 55              | 50,400         | 3,231                              | (109)                                | 37,600                    | 4.0                  | 27/12/2021   |
| CKDH2106           | 5,000              | 9.9%         | 13,520                   | 100             | 50,400         | 2,692                              | (2,308)                              | 49,000                    | 1.0                  | 10/02/2022   |
| CKDH2107           | 1,600              | 11.9%        | 8,170                    | 176             | 50,400         | 950                                | (650)                                | 43,890                    | 8.0                  | 27/04/2022   |
| CMBB2103           | 1,190              | -4.0%        | 7,470                    | 66              | 28,400         | 0                                  | (1,190)                              | 34,810                    | 1.5                  | 07/01/2022   |
| CMBB2104           | 1,100              | -6.8%        | 33,000                   | 78              | 28,400         | 34                                 | (1,066)                              | 32,000                    | 2.0                  | 19/01/2022   |
| CMBB2105           | 1,730              | -3.9%        | 90                       | 100             | 28,400         | 10                                 | (1,720)                              | 36,000                    | 1.0                  | 10/02/2022   |
| CMBB2106           | 650                | -3.0%        | 24,320                   | 85              | 28,400         | 4                                  | (646)                                | 34,000                    | 4.0                  | 26/01/2022   |
| CMBB2107           | 2,170              | -1.8%        | 3,350                    | 157             | 28,400         | 605                                | (1,565)                              | 30,000                    | 2.0                  | 08/04/2022   |
| CMSN2104           | 4,450              | 1.1%         | 6,110                    | 183             | 145,500        | 3,032                              | (1,418)                              | 118,000                   | 10.0                 | 04/05/2022   |
| CMSN2105           | 4,510              | -2.0%        | 29,650                   | 65              | 145,500        | 3,617                              | (893)                                | 128,000                   | 5.0                  | 06/01/2022   |
| CMSN2106           | 400                | -2.4%        | 58,490                   | 30              | 145,500        | 0                                  | (400)                                | 160,780                   | 20.0                 | 02/12/2021   |
| CMSN2107           | 3,210              | -3.3%        | 130                      | 132             | 145,500        | 1,300                              | (1,910)                              | 150,000                   | 5.0                  | 14/03/2022   |
| CMSN2108           | 1,060              | 3.9%         | 3,370                    | 176             | 145,500        | 292                                | (768)                                | 160,000                   | 20.0                 | 27/04/2022   |
| CMSN2109           | 1,310              | -17.6%       | 60,070                   | 100             | 145,500        | 372                                | (938)                                | 150,000                   | 12.0                 | 10/02/2022   |
| CMSN2110           | 2,240              | -0.4%        | 3,930                    | 157             | 145,500        | 1,194                              | (1,046)                              | 142,000                   | 10.0                 | 08/04/2022   |
| CMWG2104           | 6,740              | -0.9%        | 6,240                    | (225)           | 128,900        | (46)                               | (6,786)                              | 89,700                    | 6.6                  | 22/03/2021   |
| CMWG2106           | 3,120              | -1.3%        | 15,890                   | 66              | 128,900        | 1,530                              | (1,590)                              | 119,600                   | 6.6                  | 07/01/2022   |
| CMWG2107           | 7,200              | -2.4%        | 21,980                   | 65              | 128,900        | 5,971                              | (1,229)                              | 109,630                   | 3.3                  | 06/01/2022   |
| CMWG2108           | 3,770              | 0.5%         | 240                      | 132             | 128,900        | 1,641                              | (2,129)                              | 126,000                   | 5.0                  | 14/03/2022   |
| CMWG2109           | 6,870              | -1.9%        | 3,880                    | 100             | 128,900        | 5,130                              | (1,740)                              | 112,950                   | 3.3                  | 10/02/2022   |
| CMWG2110           | 1,150              | -4.2%        | 22,470                   | 85              | 128,900        | 275                                | (875)                                | 131,000                   | 12.0                 | 26/01/2022   |
| CMWG2111           | 1,800              | 0.0%         | 11,120                   | 157             | 128,900        | 738                                | (1,062)                              | 130,000                   | 10.0                 | 08/04/2022   |
| CNVL2103           | 3,080              | -0.7%        | 26,210                   | 78              | 108,100        | 991                                | (2,089)                              | 105,000                   | 5.0                  | 19/01/2022   |
| CNVL2104           | 1,040              | -1.0%        | 42,290                   | 176             | 108,100        | 331                                | (709)                                | 108,890                   | 20.0                 | 27/04/2022   |
| CPDR2103           | 1,310              | 9.2%         | 8,280                    | 176             | 95,300         | 670                                | (640)                                | 88,890                    | 16.0                 | 27/04/2022   |
| CPNJ2104           | 1,170              | 9.4%         | 11,790                   | 66              | 105,000        | 128                                | (1,042)                              | 109,000                   | 8.0                  | 07/01/2022   |
| CPNJ2105           | 2,550              | 3.2%         | 29,730                   | 65              | 105,000        | 2,087                              | (463)                                | 95,000                    | 5.0                  | 06/01/2022   |
| CPNJ2106           | 2,630              | 6.9%         | 2,440                    | 132             | 105,000        | 1,891                              | (739)                                | 98,000                    | 5.0                  | 14/03/2022   |
| CPNJ2107           | 1,180              | 9.3%         | 1,600                    | 100             | 105,000        | 376                                | (804)                                | 110,000                   | 5.0                  | 10/02/2022   |
| CPNJ2108           | 1,170              | 5.4%         | 31,570                   | 100             | 105,000        | 664                                | (506)                                | 97,000                    | 14.0                 | 10/02/2022   |

| Mã chứng quyền (*) | Giá đóng cửa (VND) | Thay đổi (%) | KL chứng quyền khớp lệnh | Số ngày tới hạn | Giá CKCS (VND) | Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**) | Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND) | Giá thực hiện quyền (VND) | Tỷ lệ chuyển đổi n:1 | Ngày đáo hạn |
|--------------------|--------------------|--------------|--------------------------|-----------------|----------------|--|--------------------------------------|---------------------------|----------------------|--------------|
| CSTB2105           | 1,850              | 0.0%         | 8,730                    | 69              | 26,650         | 77                                       | (1,773)                              | 30,000                    | 1.0                  | 10/01/2022   |
| CSTB2106           | 210                | 0.0%         | 56,780                   | 30              | 26,650         | (0)                                      | (210)                                | 35,680                    | 10.0                 | 02/12/2021   |
| CSTB2107           | 750                | -1.3%        | 28,620                   | 78              | 26,650         | 12                                       | (738)                                | 32,000                    | 2.0                  | 19/01/2022   |
| CSTB2108           | 720                | -6.5%        | 9,650                    | 38              | 26,650         | 22                                       | (698)                                | 28,000                    | 4.0                  | 10/12/2021   |
| CSTB2109           | 1,620              | -2.4%        | 58,890                   | 125             | 26,650         | 382                                      | (1,238)                              | 29,000                    | 2.0                  | 07/03/2022   |
| CSTB2110           | 570                | -1.7%        | 123,030                  | 176             | 26,650         | 138                                      | (432)                                | 30,000                    | 8.0                  | 27/04/2022   |
| CSTB2111           | 890                | -2.2%        | 43,680                   | 100             | 26,650         | 97                                       | (793)                                | 30,000                    | 3.0                  | 10/02/2022   |
| CTCB2105           | 3,250              | 3.8%         | 44,000                   | 183             | 51,600         | 1,638                                    | (1,612)                              | 45,000                    | 5.0                  | 04/05/2022   |
| CTCB2106           | 1,150              | 0.0%         | 30,790                   | 78              | 51,600         | 111                                      | (1,039)                              | 55,000                    | 5.0                  | 19/01/2022   |
| CTCB2107           | 1,590              | -1.2%        | 3,960                    | 55              | 51,600         | 619                                      | (971)                                | 47,500                    | 7.0                  | 27/12/2021   |
| CTCB2108           | 3,980              | -2.7%        | 35,240                   | 132             | 51,600         | 865                                      | (3,115)                              | 58,000                    | 1.0                  | 14/03/2022   |
| CTCB2109           | 2,640              | -1.9%        | 8,270                    | 125             | 51,600         | 920                                      | (1,720)                              | 50,000                    | 4.0                  | 07/03/2022   |
| CTCB2110           | 1,140              | -0.9%        | 39,670                   | 100             | 51,600         | 179                                      | (961)                                | 54,000                    | 7.0                  | 10/02/2022   |
| CTCB2111           | 2,080              | -0.5%        | 25,180                   | 155             | 51,600         | 421                                      | (1,659)                              | 56,350                    | 4.0                  | 06/04/2022   |
| CVHM2107           | 2,520              | -4.9%        | 41,790                   | 65              | 85,000         | 783                                      | (1,737)                              | 83,480                    | 3.8                  | 06/01/2022   |
| CVHM2108           | 960                | 6.7%         | 20,350                   | 55              | 85,000         | 196                                      | (764)                                | 84,990                    | 9.1                  | 27/12/2021   |
| CVHM2109           | 1,500              | 11.9%        | 1,670                    | 100             | 85,000         | 46                                       | (1,454)                              | 98,650                    | 3.8                  | 10/02/2022   |
| CVHM2110           | 1,550              | 0.7%         | 63,550                   | 125             | 85,000         | 532                                      | (1,018)                              | 84,990                    | 7.6                  | 07/03/2022   |
| CVHM2111           | 800                | -5.9%        | 53,970                   | 176             | 85,000         | 200                                      | (600)                                | 88,890                    | 20.0                 | 27/04/2022   |
| CVHM2112           | 1,230              | -14.6%       | 47,870                   | 100             | 85,000         | 376                                      | (854)                                | 84,000                    | 10.0                 | 10/02/2022   |
| CVIC2104           | 810                | -8.0%        | 5,760                    | 66              | 95,800         | 2  | (808)                                | 110,210                   | 8.9                  | 07/01/2022   |
| CVIC2105           | 1,200              | -7.7%        | 46,740                   | 65              | 95,800         | 17                                       | (1,183)                              | 106,670                   | 4.4                  | 06/01/2022   |
| CVIC2106           | 810                | -4.7%        | 15,520                   | 176             | 95,800         | 249                                      | (561)                                | 98,890                    | 20.0                 | 27/04/2022   |
| CVIC2107           | 1,850              | -0.5%        | 21,030                   | 157             | 95,800         | 718                                      | (1,132)                              | 93,000                    | 10.0                 | 08/04/2022   |
| CVJC2101           | 3,510              | 4.2%         | 15,330                   | 65              | 132,000        | 2,498                                    | (1,012)                              | 120,000                   | 5.0                  | 06/01/2022   |
| CVJC2102           | 390                | 2.6%         | 21,060                   | 30              | 132,000        | 6  | (384)                                | 135,550                   | 25.0                 | 02/12/2021   |
| CVJC2103           | 1,200              | 4.4%         | 4,790                    | 176             | 132,000        | 402                                      | (798)                                | 130,000                   | 20.0                 | 27/04/2022   |
| CVNM2106           | 900                | -11.8%       | 5,340                    | 72              | 89,200         | 8  | (892)                                | 98,300                    | 4.9                  | 13/01/2022   |
| CVNM2107           | 790                | -2.5%        | 49,250                   | 66              | 89,200         | 7  | (783)                                | 96,330                    | 9.8                  | 07/01/2022   |
| CVNM2108           | 1,470              | -9.3%        | 41,320                   | 34              | 89,200         | 1,094                                    | (376)                                | 78,640                    | 9.8                  | 06/12/2021   |
| CVNM2109           | 1,390              | -9.2%        | 54,950                   | 65              | 89,200         | 66                                       | (1,324)                              | 93,390                    | 4.9                  | 06/01/2022   |
| CVNM2110           | 970                | -9.4%        | 15,980                   | 69              | 89,200         | 132                                      | (838)                                | 90,240                    | 9.8                  | 10/01/2022   |
| CVNM2111           | 660                | -2.9%        | 47,690                   | 176             | 89,200         | 64                                       | (596)                                | 98,890                    | 20.0                 | 27/04/2022   |
| CVNM2112           | 1,400              | -3.5%        | 52,060                   | 157             | 89,200         | 302                                      | (1,098)                              | 93,000                    | 8.0                  | 08/04/2022   |
| CVPB2105           | 500                | -5.7%        | 6,640                    | 30              | 37,550         | 0  | (500)                                | 40,630                    | 11.1                 | 02/12/2021   |
| CVPB2106           | 2,170              | -0.9%        | 16,730                   | 78              | 37,550         | 771                                      | (1,399)                              | 36,090                    | 2.8                  | 19/01/2022   |
| CVPB2107           | 5,400              | -1.8%        | 26,700                   | 132             | 37,550         | 1,476                                    | (3,924)                              | 41,080                    | 0.6                  | 14/03/2022   |
| CVPB2108           | 2,450              | -2.8%        | 21,330                   | 125             | 37,550         | 1,086                                    | (1,364)                              | 35,810                    | 2.8                  | 07/03/2022   |
| CVPB2109           | 1,010              | -1.9%        | 22,790                   | 85              | 37,550         | 75                                       | (935)                                | 41,110                    | 3.9                  | 26/01/2022   |
| CVPB2110           | 2,800              | -3.1%        | 800                      | 155             | 37,550         | 586                                      | (2,214)                              | 40,830                    | 2.2                  | 06/04/2022   |
| CVRE2105           | 1,280              | 7.6%         | 6,330                    | 183             | 30,850         | 572                                      | (708)                                | 30,000                    | 5.0                  | 04/05/2022   |
| CVRE2106           | 2,170              | -2.7%        | 74,940                   | 65              | 30,850         | 1,505                                    | (665)                                | 28,000                    | 2.0                  | 06/01/2022   |
| CVRE2107           | 390                | -4.9%        | 53,830                   | 30              | 30,850         | 0  | (390)                                | 33,180                    | 10.0                 | 02/12/2021   |
| CVRE2108           | 1,140              | 0.9%         | 2,350                    | 55              | 30,850         | 646                                      | (494)                                | 28,400                    | 4.0                  | 27/12/2021   |
| CVRE2109           | 1,260              | -3.8%        | 68,340                   | 125             | 30,850         | 687                                      | (573)                                | 29,000                    | 4.0                  | 07/03/2022   |
| CVRE2110           | 750                | -1.3%        | 50,280                   | 176             | 30,850         | 346                                      | (404)                                | 30,000                    | 8.0                  | 27/04/2022   |
| CVRE2111           | 900                | -2.2%        | 45,550                   | 85              | 30,850         | 161                                      | (739)                                | 32,000                    | 4.0                  | 26/01/2022   |

(\*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(\*\*) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

## DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

| Mã CK                     | Sàn   | Thị giá | Giá hợp lý * | Ngày ra báo cáo | LNST 2021F (tỷ VND) | EPS 2021F | BV 2021F | ROE 2021F | ROA 2021F | PE 2021F | PB 2021F |
|---------------------------|-------|---------|--------------|-----------------|---------------------|-----------|----------|-----------|-----------|----------|----------|
| <a href="#">HII</a> (New) | HOSE  | 21,250  | 30,500       | 27/10/2021      | 232                 | 6,060     | 17,409   | 28%       | 8%        | 6.4      | 2.2      |
| <a href="#">LTG</a> (New) | UPCOM | 41,549  | 52,800       | 18/10/2021      | 938                 | 11,596    | 48,661   | 20%       | 7%        | 5.9      | 1.4      |
| <a href="#">OCB</a> (New) | HOSE  | 26,950  | 31,100       | 18/10/2021      | 4,630               | 3,204     | 20,522   | 17%       | 2%        | 9.7      | 1.5      |
| <a href="#">VRE</a> (New) | HOSE  | 30,850  | 39,900       | 15/10/2021      | 1,942               | 882       | 13,430   | 6%        | 5%        | 45.2     | 3.0      |
| <a href="#">NTL</a> (New) | HOSE  | 45,000  | 42,600       | 11/10/2021      | 252                 | 4,131     | 20,721   | 21%       | 14%       | 10.3     | 2.1      |
| <a href="#">CTD</a> (New) | HOSE  | 72,100  | 72,800       | 08/10/2021      | 411                 | 5,490     | 112,414  | 5%        | 2%        | 13.3     | 0.7      |
| <a href="#">GVR</a>       | HOSE  | 42,100  | 40,200       | 05/10/2021      | 4,492               | 995       | 13,064   | 9%        | 6%        | 42.1     | 3.1      |
| <a href="#">LPB</a>       | HOSE  | 21,400  | 26,100       | 04/10/2021      | 2,508               | 1,597     | 13,818   | 14%       | 1%        | 16.4     | 1.9      |
| <a href="#">PET</a>       | HOSE  | 31,500  | 35,000       | 30/09/2021      | 303                 | 3,253     | 19,496   | 15%       | 4%        | 12.9     | 2.2      |
| <a href="#">GMD</a>       | HOSE  | 52,000  | 54,800       | 24/09/2021      | 599                 | 1,759     | 22,276   | 9%        | 6%        | 30.5     | 2.4      |
| <a href="#">DPG</a>       | HOSE  | 91,000  | 55,100       | 23/09/2021      | 460                 | 6,652     | 31,689   | 23%       | 9%        | 8.3      | 1.7      |
| <a href="#">VHM</a>       | HOSE  | 85,000  | 104,200      | 21/09/2021      | 33,314              | 7,651     | 27,512   | 32%       | 11%       | 13.6     | 3.8      |
| <a href="#">QNS</a>       | UPCOM | 50,505  | 53,700       | 17/09/2021      | 1,143               | 3,202     | 22,609   | 13%       | 9%        | 18.1     | 2.6      |
| <a href="#">TNG</a>       | HNX   | 33,400  | 29,200       | 15/09/2021      | 182                 | 2,455     | 17,560   | 14%       | 4%        | 11.9     | 1.7      |
| <a href="#">DHG</a>       | HOSE  | 103,200 | 105,600      | 07/09/2021      | 746                 | 5,709     | 28,805   | 20%       | 16%       | 18.5     | 3.7      |
| <a href="#">MWG</a>       | HOSE  | 128,900 | 165,500      | 01/09/2021      | 5,183               | 10,901    | 42,455   | 26%       | 10%       | 15.2     | 3.9      |
| <a href="#">KDH</a>       | HOSE  | 50,400  | 45,300       | 01/09/2021      | 1,174               | 1,825     | 14,083   | 14%       | 8%        | 24.8     | 3.2      |
| <a href="#">MPC</a>       | UPCOM | 45,197  | 39,900       | 27/08/2021      | 641                 | 3,206     | 27,215   | 12%       | 7%        | 12.5     | 1.5      |
| <a href="#">MSN</a>       | HOSE  | 145,500 | 171,800      | 25/08/2021      | 7,375               | 6,059     | 20,833   | 21%       | 5%        | 28.4     | 8.3      |
| <a href="#">FMC</a>       | HOSE  | 49,800  | 46,400       | 20/08/2021      | 220                 | 3,745     | 22,794   | 16%       | 11%       | 12.4     | 2.0      |
| <a href="#">HPG</a>       | HOSE  | 55,500  | 64,800       | 19/08/2021      | 28,065              | 6,261     | 18,845   | 33%       | 18%       | 10.4     | 3.4      |
| <a href="#">ANV</a>       | HOSE  | 36,000  | 27,700       | 16/08/2021      | 222                 | 1,739     | 18,043   | 9%        | 4%        | 15.9     | 1.5      |
| <a href="#">VIB</a>       | HOSE  | 37,450  | 45,700       | 12/08/2021      | 5,298               | 3,411     | 17,841   | 23%       | 2%        | 13.4     | 2.6      |
| <a href="#">NLG</a>       | HOSE  | 62,200  | 49,500       | 11/08/2021      | 1,090               | 3,175     | 29,565   | 12%       | 7%        | 15.6     | 1.7      |
| <a href="#">STK</a>       | HOSE  | 60,500  | 45,300       | 30/07/2021      | 239                 | 2,835     | 15,598   | 18%       | 12%       | 16.0     | 2.9      |
| <a href="#">PNJ</a>       | HOSE  | 105,000 | 112,600      | 29/07/2021      | 1,411               | 6,203     | 27,067   | 23%       | 15%       | 18.2     | 4.2      |
| <a href="#">TCM</a>       | HOSE  | 77,800  | 65,800       | 28/07/2021      | 285                 | 4,595     | 29,994   | 15%       | 9%        | 14.3     | 2.2      |
| <a href="#">VNM</a>       | HOSE  | 89,200  | 118,000      | 28/07/2021      | 9,988               | 4,732     | 16,254   | 29%       | 19%       | 25.9     | 7.3      |
| <a href="#">SZC</a>       | HOSE  | 62,200  | 45,800       | 26/07/2021      | 254                 | 2,543     | 13,930   | 18%       | 4%        | 18.0     | 3.3      |
| <a href="#">KDC</a>       | HOSE  | 59,700  | 74,000       | 23/07/2021      | 594                 | 2,169     | 33,140   | 8%        | 4%        | 34.1     | 2.8      |
| <a href="#">VHC</a>       | HOSE  | 65,300  | 49,500       | 22/07/2021      | 820                 | 4,471     | 30,346   | 15%       | 11%       | 11.1     | 1.6      |
| <a href="#">FRT</a>       | HOSE  | 56,400  | 39,000       | 21/07/2021      | 86                  | 1,086     | 15,486   | 7%        | 1%        | 35.9     | 2.5      |
| <a href="#">DGW</a>       | HOSE  | 112,200 | 155,000      | 19/07/2021      | 448                 | 10,128    | 35,337   | 29%       | 12%       | 15.3     | 4.4      |
| <a href="#">PVI</a>       | HNX   | 52,500  | 39,777       | 16/07/2021      | 928                 | 3,964     | 32,723   | 12%       | 4%        | 10.0     | 1.2      |
| <a href="#">BMI</a>       | HOSE  | 45,500  | 42,800       | 13/07/2021      | 310                 | 3,395     | 26,601   | 13%       | 5%        | 12.6     | 1.6      |
| <a href="#">DXG</a>       | HOSE  | 24,950  | 32,300       | 09/07/2021      | 1,390               | 1,727     | 14,784   | 13%       | 5%        | 18.7     | 2.1      |
| <a href="#">DHC</a>       | HOSE  | 91,000  | 109,000      | 08/07/2021      | 497                 | 8,868     | 31,698   | 28%       | 18%       | 12.3     | 3.4      |
| <a href="#">TPB</a>       | HOSE  | 43,800  | 42,600       | 25/06/2021      | 4,546               | 3,880     | 19,024   | 23%       | 2%        | 11.0     | 2.2      |
| <a href="#">AAA</a>       | HOSE  | 17,500  | 21,500       | 07/06/2021      | 413                 | 1,739     | 17,474   | 11%       | 5%        | 10.2     | 1.0      |
| <a href="#">PHR</a>       | HOSE  | 62,600  | 67,600       | 28/05/2021      | 1,146               | 8,158     | 20,173   | 32%       | 16%       | 6.6      | 2.1      |
| <a href="#">KBC</a>       | HOSE  | 51,600  | 47,200       | 28/05/2021      | 1,682               | 3,251     | 25,883   | 14%       | 6%        | 14.5     | 1.5      |
| <a href="#">REE</a>       | HOSE  | 72,300  | 62,100       | 28/05/2021      | 1,937               | 5,984     | 45,456   | 14%       | 9%        | 10.4     | 1.4      |
| <a href="#">IMP</a>       | HOSE  | 75,900  | 63,700       | 27/05/2021      | 241                 | 3,611     | 27,902   | 13%       | 11%       | 17.7     | 2.3      |
| <a href="#">SAB</a>       | HOSE  | 165,200 | 182,900      | 26/05/2021      | 4,985               | 7,369     | 36,116   | 21%       | 17%       | 26.6     | 5.1      |
| <a href="#">NVL</a>       | HOSE  | 108,100 | 104,600      | 13/05/2021      | 4,369               | 4,389     | 29,673   | 13%       | 3%        | 23.8     | 3.5      |
| <a href="#">VGG</a>       | UPCOM | 45,168  | 55,500       | 13/05/2021      | 187                 | 4,249     | 41,384   | 10%       | 4%        | 13.1     | 1.3      |
| <a href="#">VCB</a>       | HOSE  | 97,900  | 118,300      | 10/05/2021      | 22,986              | 6,198     | 32,887   | 21%       | 2%        | 19.1     | 3.6      |
| <a href="#">ACB</a>       | HOSE  | 33,150  | 39,800       | 10/05/2021      | 9,253               | 4,281     | 21,066   | 24%       | 2%        | 7.6      | 1.4      |
| <a href="#">TCB</a>       | HOSE  | 51,600  | 51,300       | 10/05/2021      | 15,741              | 4,497     | 25,278   | 19%       | 3%        | 11.4     | 2.0      |
| <a href="#">GEG</a>       | HOSE  | 20,400  | 21,200       | 07/05/2021      | 388                 | 1,273     | 12,788   | 10%       | 4%        | 16.8     | 1.7      |

| Mã CK               | Sàn   | Thị giá | Giá hợp lý * | Ngày ra báo cáo | LNST 2021F (tỷ VND) | EPS 2021F | BV 2021F | ROE 2021F | ROA 2021F | PE 2021F | PB 2021F |
|---------------------|-------|---------|--------------|-----------------|---------------------|-----------|----------|-----------|-----------|----------|----------|
| <a href="#">BMP</a> | HOSE  | 60,400  | 66,900       | 06/05/2021      | 551                 | 6,735     | 32,184   | 21%       | 17%       | 9.9      | 2.1      |
| <a href="#">FPT</a> | HOSE  | 96,100  | 91,800       | 14/04/2021      | 5,036               | 4,730     | 26,109   | 25%       | 11%       | 19.4     | 3.5      |
| <a href="#">VGS</a> | HNX   | 41,700  | 24,600       | 13/04/2021      | 171                 | 3,623     | 25,974   | 20%       | 5%        | 7.5      | 1.4      |
| <a href="#">SMC</a> | HOSE  | 52,300  | 37,200       | 13/04/2021      | 313                 | 4,961     | 17,978   | 20%       | 8%        | 6.8      | 1.4      |
| <a href="#">ACV</a> | UPCOM | 85,005  | 85,600       | 09/04/2021      | 3,027               | 1,390     | 17,759   | 8%        | 5%        | 60.6     | 4.7      |
| <a href="#">PLX</a> | HOSE  | 54,300  | 64,800       | 31/03/2021      | 4,563               | 3,668     | 17,545   | 18%       | 7%        | 17.7     | 3.7      |
| <a href="#">SBT</a> | HOSE  | 22,900  | 30,000       | 25/03/2021      | 744                 | 1,165     | 13,578   | 9%        | 4%        | 25.8     | 2.2      |
| <a href="#">GAS</a> | HOSE  | 121,600 | 102,000      | 05/03/2021      | 10,892              | 5,691     | 27,913   | 20%       | 15%       | 18.0     | 3.7      |
| <a href="#">MSH</a> | HOSE  | 91,100  | 56,300       | 03/03/2021      | 336                 | 6,721     | 30,835   | 22%       | 12%       | 8.4      | 1.8      |
| <a href="#">GIL</a> | HOSE  | 69,500  | 54,800       | 05/02/2021      | 317                 | 8,813     | 43,186   | 20%       | 10%       | 6.2      | 1.3      |
| <a href="#">BSR</a> | UPCOM | 24,777  | 12,900       | 05/02/2021      | 1,337               | 431       | 10,444   | 4%        | 2%        | 29.9     | 1.2      |
| <a href="#">GTN</a> | HOSE  | 21,250  | 36,290       | 29/01/2021      | 303                 | 621       | 16,074   | 7%        | 8%        | 58.4     | 2.3      |
| <a href="#">LHG</a> | HOSE  | 56,300  | 30,400       | 19/01/2021      | 180                 | 3,601     | 26,394   | 11%       | 6%        | 8.1      | 1.0      |
| <a href="#">CTR</a> | UPCOM | 88,259  | 78,800       | 19/01/2021      | 223                 | 3,172     | 14,460   | 23%       | 6%        | 21.1     | 4.6      |
| <a href="#">POW</a> | HOSE  | 12,850  | 14,700       | 19/01/2021      | 2,837               | 1,055     | 14,071   | 9%        | 5%        | 13.9     | 1.0      |

Nguồn: PHFM

\* Giá hợp lý chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo

## **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trách**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên,  
Phường Tân Phú, Quận 7,  
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam,  
157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận  
3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04  
Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung  
Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2,  
364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân  
Bình, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,  
127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần  
Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải  
Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby,  
81-83-83B-85 Hàm Nghi,  
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,  
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912